

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 74/2022/KDTM-ST
Ngày: 04/7/2022**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Quang Tuấn**
2. Bà Nguyễn Thị Thụy

Thư ký phiên tòa: **Bà Đồng Minh Hoàn** – Thư ký Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 04/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 127/2021/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20/6/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ trụ sở: Số 2 L, phường T, quận B, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thanh T – Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H. (Có mặt)

Bị đơn: 1- Công ty TNHH MTV C; Trụ sở: Số 25 đường G, phường Đ, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H – Giám đốc. (Có mặt)

2- Công ty Cổ phần C; Trụ sở: Số 27 đường G, phường Đ, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H – Tổng Giám đốc. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần C; Trụ sở: Số 27 đường G, phường Đ, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H – Tổng Giám đốc. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng N trình bày:

Ngày 13/4/2015, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty Cổ phần C có ký Hợp đồng tín dụng số: 1420LAV201500144, mức dư nợ tối đa: 85.000.000.000 đồng, mục đích cho vay: Xây dựng nhà máy C. Thời hạn của Hợp đồng tín dụng: 96 tháng, khoản vay đã được gia hạn đến ngày 31/12/2024, lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: 11%, lãi suất hiện nay là 4,86%/năm (áp dụng cho cả lãi trong hạn và lãi quá hạn);

Quá trình thực hiện hợp đồng: Từ thời điểm ký Hợp đồng ngày 13/4/2015 đến ngày 04/7/2022, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân, thu nợ như sau: Giải ngân: 85.000.000.000 đồng; Thu nợ gốc: 84.692.000.000 đồng; Thu nợ lãi: 11.285.999.748 đồng; Tính đến thời điểm 04/7/2022, tổng số nợ gốc lãi Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 là: **5.948.738.075 đồng**, trong đó: **Gốc: 308.000.000 đồng; Lãi: 5.640.738.075 đồng**

Ngày 04/02/2016, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty Cổ phần C đã ký Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Thời hạn của Hợp đồng tín dụng đến ngày 04/02/2017, các khoản nợ đã được cơ cấu đến ngày 31/12/2021. Lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: 9,5%/năm. Lãi suất hiện nay là 4,86%/năm (áp dụng cho cả lãi trong hạn và lãi quá hạn).

Quá trình thực hiện hợp đồng: Từ thời điểm ký Hợp đồng ngày 04/02/2016 đến ngày 04/7/2022 Ngân hàng đã thực hiện giải ngân, thu nợ như sau: Giải ngân: 70.345.365.344 đồng; Thu nợ gốc: 70.235.365.344 đồng; Thu nợ lãi: 1.787.928.298 đồng; Tạm tính đến ngày 04/7/2022, tổng số nợ gốc lãi Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 là 1.589.079.575 đồng, trong đó: Gốc: 110.000.000 đồng. Lãi: **1.479.079.575 đồng**.

Tính đến thời điểm 04/7/2022, tổng số nợ gốc, lãi mà Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng N là: Tổng số tiền: 7.537.817.650 đồng, trong đó: Gốc: 418.000.000 đồng; Lãi: 7.119.817.650 VNĐ, gồm: lãi trong hạn: 7.117.070.400 đồng, lãi quá hạn: 2.747.250 đồng.

*** Tài sản bảo đảm cho khoản vay của 02 Hợp đồng tín dụng trên là:**

Máy bơm bùn, ép bùn; Bộ cầu trục dầm đôi 5 tấn; Bộ cầu trục dầm đôi 10 tấn; Hệ thống gàu tải, băng tải, cấp liệu rung; Dây chuyền sàng rửa cát; Trạm cân điện tử; Trạm nghiền sàng đá công suất 50T/h; Trạm biến áp; Thiết bị thí nghiệm; Bộ máy sàng rung; Bộ dây chuyền nghiền bột mịn; Bộ dây chuyền sản xuất sản phẩm đá nhân tạo; Máy sàng đá SZF-1040-3S; Máy nghiền đá Model 4PGS0608PT; Xe ô tô tải BKS 29C-495.39; Xe tải có mui BKS 29C-831.19.

Ngày 27/4/2018, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty TNHH MTV C có ký kết hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138. Số tiền đã cho vay là 100.000.000.000 đồng; thời hạn của Hợp đồng tín dụng là đến ngày 31/12/2025; lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất

trong hạn, mục đích vay: vay để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị, các khoản vay đầu tư vào Nhà máy C của Công ty Cổ phần C.

Để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty Cổ phần C có ký các hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp gồm:

Quyền thuê quyền sử dụng đất và toàn bộ các công trình xây dựng trên đất hình thành trong tương lai theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Thửa đất số 950, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 402102, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT) 12831, do UBND tỉnh N cấp ngày 12 tháng 01 năm 2016. Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 73/NoĐHN-TD, số công chứng 0103 ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 07/11/2017 (Tài sản thế chấp này đã được hình thành và đi vào hoạt động năm 2019)

Máy bơm bùn, ép bùn; Bộ cầu trục dầm đôi 5 tấn; Bộ cầu trục dầm đôi 10 tấn; Hệ thống gầu tải, băng tải, cấp liệu rung; Dây chuyền sàng rửa cát; Trạm cân điện tử; Trạm nghiền sàng đá công suất 50T/h; Trạm biến áp; Thiết bị thí nghiệm; Bộ máy sàng rung; Bộ dây chuyền nghiền bột mịn; Bộ dây chuyền sản xuất sản phẩm đá nhân tạo; Máy sàng đá SZF-1040-3S; Máy nghiền đá Model 4PGS0608PT; 01 Xe ô tô tải BKS 29C-495.39; 01 Xe tải có mui BKS 29C-831.19. Theo hợp đồng thế chấp số: 993/ NoĐHN-TD, số công chứng 1022/2018/HĐTC ngày 08/5/2018.

Tính đến thời điểm 04/7/2022, tổng số nợ gốc lãi Công ty TNHH MTV C phải trả cho Ngân hàng N là: 118.867.314.582 đồng, trong đó: Gốc: 99.502.000.000 đồng; Lãi: 19.365.314.582 đồng, gồm: Lãi trong hạn: 18.838.413.488 đồng, lãi quá hạn: 526.901.094 đồng.

Ngân hàng đề nghị Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết:

Buộc Công ty TNHH MTV C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 04/7/2022 là: **118.867.314.582 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 99.502.000.000 đồng; Nợ Lãi: 19.365.314.582 đồng, gồm lãi trong hạn: 18.838.413.488 đồng, lãi quá hạn: 526.901.094 đồng.

Công ty TNHH MTV C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 kể từ ngày 05/7/2022 cho đến khi Công ty TNHH MTV C trả hết nợ cho Ngân hàng.

Buộc Công ty Cổ phần C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền: **7.537.817.650 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 418.000.000 đồng; Nợ lãi: 7.119.817.650 đồng, gồm lãi trong hạn: 7.117.070.400 đồng, lãi quá hạn: 2.747.250 đồng (Cụ thể: Gốc của Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 đến ngày 04/7/2022 là 308.000.000 đồng. Lãi: 5.640.738.075 đồng; Gốc của Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 đến ngày 04/7/2022 là 110.000.000 đồng; Lãi:

1.479.079.575 đồng, trong đó lãi trong hạn là: 1.476.332.325 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.747.250 đồng).

Công ty CP C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 và Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 kể từ ngày 05/7/2022 cho đến khi Công ty CP C trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV C và Công ty Cổ phần C không trả được nợ, Ngân hàng N yêu cầu bên thế chấp tài sản thực hiện trả nợ theo phạm vi tài sản nghĩa vụ đảm bảo. Trường hợp Bên thế chấp tài sản không thực hiện hoặc thực hiện không hết nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án theo thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Công ty TNHH MTV C và Công ty CP C tiếp tục phải chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng trong trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ thu hồi toàn bộ khoản nợ trên.

*** Đại diện ủy quyền của bị đơn 1: Công ty TNHH MTV C - ông Trần Thanh H trình bày:**

Ngày 27/4/2018, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty TNHH MTV C có ký kết hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138. Số tiền đã cho vay là 100.000.000.000 đồng; thời hạn của Hợp đồng tín dụng là đến ngày 31/12/2025; lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: vay để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị, các khoản vay đầu tư vào Nhà máy C của Công ty Cổ phần C.

Để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty Cổ phần C có ký các hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp gồm:

Quyền thuê quyền sử dụng đất và toàn bộ các công trình xây dựng trên đất hình thành trong tương lai theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Thửa đất số 950, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 402102, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT) 12831, do UBND tỉnh N cấp ngày 12 tháng 01 năm 2016. Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 73/NoĐHN-TD, số công chứng 0103 ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 07/11/2017 (Tài sản thế chấp này đã được hình thành và đi vào hoạt động năm 2019)

Máy bơm bùn, ép bùn; Bộ cầu trục dầm đôi 5 tấn; Bộ cầu trục dầm đôi 10 tấn; Hệ thống gàu tải, băng tải, cấp liệu rung; Dây chuyền sàng rửa cát; Trạm cân điện tử; Trạm nghiền sàng đá công suất 50T/h; Trạm biến áp; Thiết bị thí nghiệm; Bộ máy sàng rung; Bộ dây chuyền nghiền bột mịn; Bộ dây chuyền sản xuất sản phẩm đá nhân tạo; Máy sàng đá SZF-1040-3S; Máy nghiền đá Model 4PGS0608PT; 01 Xe ô

tô tải BKS 29C-495.39; 01 Xe tải có mui BKS 29C-831.19. Theo hợp đồng thế chấp số: 993/ NoĐHN-TD, số công chứng 1022/2018/HĐTC ngày 08/5/2018.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, bị đơn có ý kiến như sau:

Công ty TNHH MTV C xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ngày 27/4/2018 Toàn bộ số tiền gốc, lãi đến ngày 04/7/2022 là: **118.867.314.582 đồng**, trong đó: nợ gốc là: 99.502.000.000 đồng; Nợ lãi là: 19.365.314.582 đồng; bao gồm lãi trong hạn: 18.838.413.488 đồng và lãi quá hạn là: 526.901.094 đồng. Hiện do Công ty TNHH MTV C đang gặp khó trong kinh doanh nên chưa có nguồn thu để trả nợ cho Ngân hàng nên không đưa ra được phương án trả nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

*** Đại diện ủy quyền của bị đơn 2 và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Công ty Cổ phần C - ông Trần Thanh H trình bày:**

Ngày 13/4/2015, Ngân hàng N và Công ty CP C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144, mức dư nợ tối đa: 85.000.000.000 đồng Mục đích cho vay: Xây dựng nhà máy C. Lãi suất vay (áp dụng cho cả lãi suất trong hạn và quá hạn) là 4,86%/năm;

Tính đến thời điểm 04/7/2022, tổng số nợ gốc lãi Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 là: 5.948.738.075 đồng, trong đó: Gốc: 308.000.000 đồng; Lãi: 5.640.738.075 đồng.

Ngày 04/02/2016, Ngân hàng N và Công ty CP C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay (áp dụng cho cả lãi suất trong hạn và quá hạn) là 4,86%/năm. Các khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 đã quá hạn kể từ ngày 01/01/2022.

Tính đến ngày 04/7/2022, Dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 là: 110.000.000 đồng. Nợ lãi: 1.479.079.575 đồng. Tổng cả nợ gốc và lãi là: 1.589.079.575 đồng.

Tính đến thời điểm 04/7/2022, tổng số nợ gốc, lãi của cả hai hợp đồng mà Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng N là: Tổng số tiền: 7.537.817.650 đồng, trong đó: Gốc: 418.000.000 đồng; Lãi: 7.119.817.650 đồng, gồm: lãi trong hạn: 7.117.070.400 đồng, lãi quá hạn: 2.747.250 đồng.

Hiện do Công ty Cổ phần C đang gặp khó trong kinh doanh nên chưa có nguồn thu để trả nợ cho Ngân hàng nên không đưa ra được phương án trả nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không bổ sung thêm ý kiến nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- + Về thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- + Xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;
- + Tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công bố chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ theo các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- + Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;
- + Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự;
- + Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- + Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại chương XIV và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- + Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 85, Điều 86 Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- + Về hình thức và nội dung Hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp được các bên ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, theo đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định: Áp dụng Điều 351, 353, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56, 58, 59, 60, 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên bố đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Công ty TNHH MTV C và Công ty Cổ phần C phải trả số tiền còn nợ Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là trụ sở nơi nguyên đơn đăng ký kinh doanh, do đó Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Ngày 13/4/2015, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty Cổ phần C đã ký Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông đã giải ngân cho Công ty Cổ phần C số tiền: 85.000.000.000 đồng thể hiện qua các giấy nhận nợ.

2.2. Ngày 04/02/2016, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty Cổ phần C đã ký Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông đã giải ngân cho Công ty Cổ phần C số tiền: 70.345365.344 đồng thể hiện qua các giấy nhận nợ.

2.3. Ngày 27/4/2018, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H và Công ty TNHH MTV C đã ký Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H đã giải ngân cho Công ty TNHH MTV C số tiền: 100.000.000.000 đồng thể hiện qua các giấy nhận nợ.

Trong các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đều có nội dung thỏa thuận về mục đích vay vốn, lãi suất cho vay, kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn.

Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng, quy chế cho vay. Do đó xác định là các hợp đồng hợp pháp, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

2.4. Biện pháp bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên, giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Đông H, Công ty Cổ phần C đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản sau:

Quyền thuê quyền sử dụng đất và toàn bộ các công trình xây dựng trên đất hình thành trong tương lai theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Thửa đất số 950, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 402102, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT) 12831, do UBND tỉnh N cấp ngày 12 tháng 01 năm 2016. Tài sản đã được ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 73/NoĐHN-TD, số công chứng 0103 ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 07/11/2017.

Máy bơm bùn, ép bùn; Bộ cầu trục dầm đôi 5 tấn; Bộ cầu trục dầm đôi 10 tấn; Hệ thống gầu tải, băng tải, cấp liệu rung; Dây chuyền sàng rửa cát; Trạm cân điện tử; Trạm nghiền sàng đá công suất 50T/h; Trạm biến áp; Thiết bị thí nghiệm; Bộ máy sàng rung; Bộ dây chuyền nghiền bột mịn; Bộ dây chuyền sản xuất sản phẩm đá nhân tạo; Máy sàng đá SZF-1040-3S; Máy nghiền đá Model 4PGS0608PT; Xe ô tô tải BKS 29C-495.39; Xe tải có mui BKS 29C-831.19; Chủ sở hữu: Công ty CP C. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 993/ NoĐHN-TD, số công chứng 1022/2018/HĐTC ngày 08/5/2018 để thu hồi toàn bộ các khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1. Yêu cầu về thanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng:

Tính đến thời điểm ngày 04/7/2022, Công ty Cổ phần C phải trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 là: 5.948.738.075 đồng, trong đó: Gốc: 308.000.000 đồng; Lãi: 5.640.738.075 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 là 1.589.079.575 đồng, trong đó: Gốc: 110.000.000 đồng. Lãi: 1.479.079.575 đồng.

Tính đến thời điểm 04/7/2022, Công ty TNHH MTV C phải trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 là: 118.867.314.582 đồng, trong đó: Gốc: 99.502.000.000 đồng; Lãi: 19.365.314.582 đồng, gồm: Lãi trong hạn: 18.838.413.488 đồng, lãi quá hạn: 526.901.094 đồng.

Ngân hàng xác nhận đến nay không chuyển nhượng khoản nợ trên cho cá nhân, tổ chức nào. Quyền đòi nợ hoàn toàn thuộc về Ngân hàng. Do vậy, có cơ sở xác định Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, các bên đương sự có nghĩa vụ thực hiện nên buộc Công ty TNHH MTV C phải trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 là: 118.867.314.582 đồng, trong đó: Gốc: 99.502.000.000 đồng; Lãi: 19.365.314.582 đồng, gồm: Lãi trong hạn: 18.838.413.488 đồng, lãi quá hạn: 526.901.094 đồng.

Buộc Công ty Cổ phần C phải trả Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 là: 5.948.738.075 đồng, trong đó: Gốc: 308.000.000 đồng; Lãi: 5.640.738.075 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 là 110.000.000 đồng. Nợ lãi: 1.479.079.575 đồng, trong đó lãi trong hạn là: 1.476.332.325 đồng, lãi quá hạn là: 2.747.250 đồng.

3.2. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

3.2.1. Xét thấy, việc ký kết các Hợp đồng thế chấp do các bên tự nguyện, được lập thành văn bản, được Văn Phòng Công chứng T – Thành Phố N, tỉnh N chứng nhận ngày 07/11/2017; Văn Phòng Công chứng A, Thành Phố H chứng nhận ngày 08/5/2018. Tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên tài sản thế chấp là hợp pháp.

Do đó, trong trường hợp Công ty TNHH MTV C và Công ty Cổ phần C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thu hồi toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty TNHH MTV C và Công ty CP C tiếp tục phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nếu thừa thì Ngân hàng N phải trả lại cho Công ty CP C.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Công ty TNHH MTV C phải chịu: 226.867.315 đồng và Công ty Cổ phần C phải chịu: 115.537.818 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 82.969.000 đồng (Tám mươi hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0067717

ngày 28/12/2021 và số tiền 57.767.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 30, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 12 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Khoản 2 Điều 37 Luật doanh nghiệp năm 2005;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm;

Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng với khách hàng;

Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH MTV C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty TNHH MTV C phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 tính đến ngày 04/7/2022 là: 118.867.314.582 đồng (Một trăm mười tám tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn năm trăm tám mươi hai đồng). Trong đó: Góc: 99.502.000.000 đồng; Lãi: 19.365.314.582 đồng, gồm: Lãi trong hạn: 18.838.413.488 đồng, lãi quá hạn: 526.901.094 đồng.

Kể từ ngày 05/7/2022, Công ty TNHH MTV C còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty Cổ phần C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” .

Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 tính đến ngày 04/7/2022 nợ gốc: 308.000.000 đồng. Nợ lãi: 5.640.738.075 đồng; và Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201600050 tính đến ngày 04/7/2022 nợ gốc: 110.000.000 đồng; nợ lãi: 1.479.079.575 đồng (Trong đó, Lãi trong hạn là: 1.476.332.325 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.747.250 đồng). Tổng số tiền của hai hợp đồng là: 7.537.817.650 đồng (Bảy tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu tám trăm mười bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc: 418.000.000 đồng ; Nợ lãi: 7.119.817.650 đồng; (Lãi trong hạn: 7.117.070.400 đồng, lãi quá hạn: 2.747.250 đồng).

Kể từ ngày 05/7/2022, Công ty Cổ phần C còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV C và Công ty Cổ phần C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp là:

Quyền thuê quyền sử dụng đất và toàn bộ các công trình xây dựng trên đất hình thành trong tương lai theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Thửa đất số 950, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 402102, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: (CT) 12831, do UBND tỉnh N cấp ngày 12 tháng 01 năm 2016. Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 73/NoĐHN-TD, số công chứng 0103 ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung lần 01 ngày 07/11/2017.

Máy bơm bùn, ép bùn; Bộ cầu trục dầm đôi 5 tấn; Bộ cầu trục dầm đôi 10 tấn; Hệ thống gầu tải, băng tải, cấp liệu rung; Dây chuyền sàng rửa cát; Trạm cân điện tử; Trạm nghiền sàng đá công suất 50T/h; Trạm biến áp; Thiết bị thí nghiệm; Bộ máy sàng rung; Bộ dây chuyền nghiền bột mịn; Bộ dây chuyền sản xuất sản phẩm đá nhân tạo; Máy sàng đá SZF-1040-3S; Máy nghiền đá Model 4PGS0608PT; Xe ô tô tải BKS 29C-495.39; Xe tải có mui BKS 29C-831.19; Chủ sở hữu: Công ty CP C. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 993/ NoĐHN-TD, số công chứng 1022/2018/HĐTC ngày 08/5/2018 để thu hồi toàn bộ các khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thu hồi toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty TNHH MTV C và Công ty CP C tiếp tục phải

chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N. Nếu thừa thì Ngân hàng N phải trả lại cho Công ty CP C.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Công ty TNHH MTV C phải chịu: 226.867.315 (Hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm mười lăm đồng) và Công ty Cổ phần C phải chịu: 115.537.818 (Một trăm mười lăm triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm mười tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 82.969.000 đồng (Tám mươi hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0067717 ngày 28/12/2021 và số tiền 57.767.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

7. Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND Q. Ba Đình;
- Chi cục THADS Q. Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Đinh Ngọc Liên